TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày : 05/04/2019
V*/v:* "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi
Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc
Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên toà: ông Dương Đình Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 05/04/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2019/QĐ-PT ngày 02/03/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 32 ngày 14/03/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Hồ Sơn 2, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn:
- Ông Đào Hữu T1, sinh năm 1960 (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Hồ Sơn 2, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Trần Văn Thiệu, sinh năm 1992(có mặt).
Địa chỉ: Thôn Hồ Sơn 2, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Tổng Công ty Bảo hiểm B;
Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Bảo hiểm B: Ông Đào Duy D - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty B Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).
- Tổng Công ty Bảo Việt N;

Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Bảo Việt N: Ông Nguyễn Quang C1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Bảo Việt N Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/5/2017 và các lời khai nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông Đào Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C là tư vấn viên của Công ty Bảo Việt N Bắc Giang nên khoảng đầu năm 2014, ông T1 bà C nhiều lần đến gia đình nhà ông tư vấn để mua bảo hiểm.

Trước khi tham gia giao kết hợp đồng, ông có được tham gia hội thảo hai lần do Công ty Bảo Việt N Bắc Giang tổ chức và tư vấn về việc rủi ro được hỗ trợ, tích lũy và có lãi khi tham gia bảo hiểm nên ngày 16/6/2014 ông có giấy yêu cầu bảo hiểm, có ký và nộp tiền để được tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2 là con trai ông với số tiền là 7.065.620đồng. Sau khi nộp tiền tham gia bảo hiểm, ngày 25/6/2014,Công ty Bảo Việt N và ông đã ký hợp đồng và được công ty thông báo chấp nhận bảo hiểm Hợp đồng BHNT An Phát Hưng Gia (BV-NAUVL01), số: 568414615 của người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2 và người mua bảo hiểm là ông.

Sau khi ký kết hợp đồng, đến ngày 13/6/2015 ông nộp tiếp số tiền phí bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng là 7.066.620đồng. Cả hai lần nộp số tiền phí bảo hiểm đều do vợ chồng ông T1 thu tại nhà ông. Sau khi thu các số tiền trên, ông T1 bà C có nộp về cho công ty hay không ông không nắm được. Sau đó con ông có bị tai nạn lần đầu nhưng không được thanh toán tiền bảo hiểm theo hợp đồng là 10.000.000đồng/1 vụ mà chỉ nhận được 500.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thông Việt Nam, Chi nhánh huyện L; 300.000đồng do ông T1, bà C đưa tại nhà cho ông vào khoảng tháng 01/2015.Và 750.000đồng do ông T1 đưa tại nhà cho ông vào khoảng tháng 08/2015.

Cũng vì lý do trên nên ông khởi kiện vợ chồng ông T1, bà C ra Tòa án để giải quyết, buộc ông T1, bà C phải trả lại ông số tiền phí bảo hiểm ông đã nộp là 14.200.000đồng.

Tại biên bản đối chất ngày 17/8/2018, ông Trần Văn T cho rằng lý do ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Đào Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả cho ông số tiền phí bảo hiểm là 14.200.000đồng mà không phải là số tiền khác là vì đây là số tiền phí bảo hiểm nộp lần thứ nhất ngày 15/6/2014 là 7.065.620đồng, lần thứ hai ngày 13/6/2015 là 7.066.620đồng cho Công ty Bảo Việt N là do ông T1 thu và 145.500đồng cho Công ty Bảo Việt cũng do ông T1 thu của ông theo giấy xác nhận của công ty ngày 09/6/2015, tổng cộng là 14.277.740đồng. Đây là số tiền chính xác ông yêu cầu.Còn số tiền 14.200.000đồng là do khi cộng, trừ có sai sót 77.740đồng. Nay ông yêu Tòa án giải quyết, buộc ông Đào Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả ông số tiền phí bảo hiểm ông đã nộp là 14.277.740đồng. Ông chỉ khởi kiện, ông T1 bà C chứ không khởi kiện ai khác. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T đã được Thẩm phán giải thích cho ông biết việc ông kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm yêu cầu thanh toán trả lại tiền phí bảo hiểm thì bị đơn ông phải xác định là Công ty bảo hiểm đã giao kết hợp đồng với ông và đang quản lý số tiền phí bảo hiểm trên chứ bị đơn không phải là ông T1, bà C vì ông bà chỉ là tư vấn viên, không có thẩm quyền ký kết, sau khi thu tiền đã nộp về công ty theo đúng quy định nhưng ông Trần Văn T không thay đổi, không bổ sung và không rút đơn khởi kiện mà vẫn giữ nguyên việc khởi kiện và các yêu cầu trên.

Bị đơn ông Đào Hữu T1 trình bày: Ông và ông Trần Văn T, sinh năm 1962 là người cùng thôn nhưng không có quan hệ họ hàng gì. Việc ông Trần Văn T có làm đơn khởi kiện đòi vợ chồng ông số tiền 14.200.000đồng hay số tiền 14.277.740đồng như ông T yêu cầu trong biên bản đối chất ngày 17/8/2018, vợ chồng ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Lý do vì, ông là tư vấn viên của Công tyBảo Việt N Bắc Giang nên ngày 16/6/2014 ông T có giấy, đơn yêu cầu bảo hiểm và nộp tiền để tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2 con trai ông T với số tiền là 7.065.620đồng. Trên cơ sở tự nguyện nộp tiền tham gia bảo hiểm nên ngày 25/6/2014 Công tyBảo Việt N đã ký hợp đồng và thông báo chấp nhận bảo hiểm Hợp đồng BHNT An Phát Hưng Gia (BV-NAUVL01), số: 568414615 của người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2 và người mua bảo hiểm là ông Trần Văn T.

Sau khi tham gia và ký kết hợp đồng đến ngày 13/6/2015 ông T nộp tiếp số tiền phí bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng đã giao kết là 7.066.620đồng. Toàn bộ hai lần nộp tiền, ông là người trực tiếp thu. Sau khi thu các số tiền trên, ông đã về nộp lại cho Công ty theo đúng quy định của công ty và quy định của pháp luật.

Sau đó con ông T là anh T2có bị tai nạn lần đầu do đi xe máy ngã và được Công ty Bảo Việt N thanh toán 500.000đồng cho con trai ông T tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thông Việt Nam – Chi nhánh huyện L, ông T đã được nhận theo chứng minh thư nhân dân và được Công ty Bảo Việt thanh toán là 300.000đồng do bà C nhận và đem về thanh toán trực tiếp cho ông T. Lần thứ hai anh T2 cũng bị tai nạn ngã xe máy, được Công ty Bảo Việt thanh toán là 750.000đồng do bà C nhận và đem về thanh toán trực tiếp cho ông T. Còn Công ty Bảo Việt N không thanh toán vì việc tai nạn lần hai này không nằm trong giao kết đã thỏa thuận. Nay quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Đào Hữu T1 khẳng định ông không có thẩm quyền ký kết, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, thẩm quyền thuộc người đại diện của công ty; sau khi thu số tiền trên, ông đã nộp lại về công ty để công ty quản lý theo quy định của pháp luật nên việc ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm để đòi vợ chồng ông số tiền trên là không đúng.

Đồng bị đơn, bà Nguyễn Thị C trình bày: Việc ông Trần Văn T có làm đơn khởi kiện đòi vợ chồng bà số tiền 14.200.000đồng hay số tiền 14.277.740 đồng như ông T yêu cầu trong biên bản đối chất ngày 17/8/2018 thì ông T1 là chồng bà đã có lời khai cung cấp cho Tòa án nêu rõ nội dung sự việc nên bà không bổ sung gì

thêm. Vợ chồng bà vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên các ý kiến, quan điểm nêu trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn T2 trình bày: Anh là con trai ông Trần Văn T, sinh năm 1962 ở cùng địa chỉ. Toàn bộ nội dung vụ việc bố anh khởi kiện vợ chồng ông T1, bà C là tư vấn viên Công ty Bảo hiểm B Bắc Giang và Bảo hiểm N Bắc Giang về việc thanh toán trả lại cho bố anh số tiền phí bảo hiểm là 14.200.000đồng đã được bố anh trình bày trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án. Anh đồng ý với ý kiến và lời khai của bố anh đã trình bày, không bổ sung gì thêm. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do bận công việc nên anh Trần Văn T2có đơn xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn T2 vắng mặt.

Tổng Công ty Bảo Hiểm B do ông Đào Duy D – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty B Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty B Bắc Giang có bán bảo hiểm cho anh Trần Văn T2 cụ thể như sau: Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0756851 có hiệu lực từ ngày 10/6/2014 đến ngày 10/6/2015, phí bảo hiểmông T nộp là 145.500đồng, mức trách nhiệm bảo hiểm A = B = C = 15.000.000đồng; Giấy chứng nhận bảo hiểm số 08465712 có hiệu lực từ ngày 10/6/2015 đến ngày 10/6/2016, phí bảo hiểmông T nộp là 145.500đồng, mức trách nhiệm bảo hiểm A = B = C = 15.000.000đ. Hai lần bán bảo hiểm trên đều do bà Trần Thị C là tư vấn viên của công ty thu.

Theo các giấy chứng nhận trên, Công ty B Bắc Giang đã thanh toán trả cho anh T2 số tiền là 300.000đ vào ngày 28/01/2015 và 750.000đồngvào ngày 18/8/2015, đồng thời có thông báo cho anh T2 được biết.

Nay ông Trần Văn T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà C phải thanh toán trả ông số tiền phí bảo hiểm đã đóng ở trên, quan điểm của ông là Công ty đã giải quyết xong phần trách nhiệm với anh T2không còn vướng mắc gì.

Vì lý do bận công việc nên ông Đào Duy D có đơn xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.Tại phiên tòa, ông Đào Duy D, vắng mặt.

Tổng Công ty Bảo Việt N do ông Nguyễn Quang C1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Bảo Việt N Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày: Hợp đồng BHNT An Phát Hưng số: 568414615 của người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2và người mua bảo hiểm là ông Trần Văn T với số tiền bảo hiểm là 100.000.000đồng, thời hạn bảo hiểm là 15 năm.Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 16/6/2014, ông T nộp phí 7.065.620đồng; ngày 30/6/2015, ông T nộp tiếp phí 7.065.620đồng. Tổng số tiền phí bảo hiểm ông T đã nộp là 14.132.240đồng.Cả hai lần ông T nộp đều do ông Đào Hữu T1 là tư vấn viên của công ty thu. Sau khi thu, ông T1 đã nộp lại số tiền trên về công ty để công ty quản lý theo quy định.

Ngày 19/01/2015, theo yêu cầu giải quyết quyền lợi của bên mua bảo hiểm,Bảo Việt N đã chi trả 500.000đồng cho bên mua bảo hiểm do người được bảo hiểm là anh T2 điều trị nắn, bó do gãy xương bàn chân, ngón chân; tiếp đến ngày 22/8/2017, sau khi gia hạn nộp phí 60 ngày mà hợp đồng không được đóng phí bảo hiểm theo giao kết nênBảo Việt N đã thông báo cho ông T và anh T2 biết việc chấm dứt hiệu lực hợp đồng vào ngày 22/8/2017. Đến nay, hợp đồng bảo hiểm giữa Bảo Việt N và người được bảo hiểm là anh Trần Văn T2 và người mua bảo hiểm là ông Trần Văn T đã hết hiệu lực. Nên quan điểm của ông đề nghị Tòa án xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T đã đưa ra.

Vì lý do bận công việc nên ông Nguyễn Quang C1 có đơn xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quang C1, vắng mặt.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xử :

1.Căn cứ khoản 3 Điều 26, 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273BLTTDS 2015; Điều 567, 569, 570, 571, 572, 576, 578, 579 và580 BLDS 2005; Điều 12, 13, 14, 15, 23 và Điều 24 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010.

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T về: Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm đối với việc buộc bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả lại ông T số tiền phí bảo hiểm là14.277.740 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/10/2018 ông Trần Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn T là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Trần Văn T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu.

Ông Đào Hữu T1, bà Nguyễn Thị C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn T thấy:

[1]. Trước khi giao kết hợp đồng ông T đã được ông T1, bà C là tư vấn viên của Công ty giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia và mua bảo hiểm. Ông T đã

làm đơn và giao kết hợp đồng với Công ty Bảo Việt N và Công ty Bảo hiểm B do người có thẩm quyền đại diện cho Công ty bảo hiểm ký kết và thông báo chấp nhận trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đúng quy định tại các Điều 12, 13, 14 và Điều 15 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010.

Xét về số tiền ông T đã nộp khi tham gia giao kết: Toàn bộ số tiền ông T nộp cho ông T1, bà C là tư vấn viên của Công ty bảo hiểm đã được ông T1, bà C lập phiếu và hóa đơn có dấu của Công ty. Sau khi thu ông T1, bà C đã nộp lại toàn bộ số tiền trên về công tytheo đúng quy định của công ty và quy định của pháp luật mà không giữ lại và không quản lý số tiền trên để sử dụng.

Theo các Điều 567, 569, 570,571, 572, 576, 578, 579 và 580 Bộ luật dân sự 2005; Điều 23 và Điều 24 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010, thì việc ông Trần Văn T khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và xác định vợ chồng ông Đào Hữu T1, bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án phải thanh toán trả ông số tiền phí bảo hiểm là 14.277.740 đồng, đã được Thẩm phán lập biên bản giải thích, tại phiên tòa ông T một lần nữa cũng được Hội đồng xét xử giải thích cho ông biết việc ông kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm yêu cầu thanh toán trả lại tiền phí bảo hiểm thì bị đơn ông phải xác định là Công ty bảo hiểm đã giao kết hợp đồng với ông và đang quản lý số tiền phí bảo hiểm trên chứ bị đơn không phải là ông T1, bà C vì ông bà chỉ là tư vấn viên, không có thẩm quyền đại diện cho pháp nhân ký kết; sau khi thu tiền ông bà đã nộp về công ty theo đúng quy định nhưng ông Trần Văn T không thay đổi, không bổ sung và không rút đơn khởi kiện mà vẫn giữ nguyên việc khởi kiện và các yêu cầu trên là không có cơ sở để chấp nhận. Nhận định của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam là có căn cứ. Bởi lẽ trên, xét thấy kháng cáo của ông T đối với bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DSST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo của ông Trần Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 567, 569, 570, 571, 572, 576, 578, 579 và 580 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 12, 13, 14, 15, 23 và Điều 24 Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010. Xử:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T về: Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm đối với việc buộc bị đơn ông Đào Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả lại ông T số tiền phí bảo hiểm là 14.277.740 đồng.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn T phải chịu 714.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 720.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai số 0002951 ngày 26/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả ông T số tiền còn thừa là 6.000đ (sáu nghìn đồng).

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận Ông Trần Văn T đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003545 ngày 29/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi